EXTRA WORKSHEET FOR UNIT 9

I. Reorder the words.(Sắp xếp lại các từ dựa vào hình đã cho)

UNHCLXOB	**LUNCHBOX**	TMATOO	……
WICHDNAS	……	REAP	……
KINDRS	……	GPAERS	……
PPALE	……	INEPPPALE	……
NANABA	……..	RRIESCH	……
BIISCUIT	……		

II. Read and tick (✓) or cross (×) (Nhìn tranh đọc và điền (✓) hoặc (×)

☐	☐	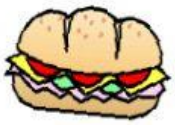 ☐	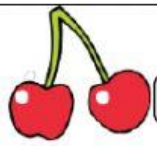 ☐
It's a lunchbox.	These are grapes.	This is a cookie.	These are cherries.
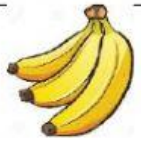 ☐	☐	☐	☐
These are bananas.	This is a pizza.	This is an apple.	This is a pear.

LIVEWORKSHEETS

III. Look and write (Nhìn tranh và viết lại câu hoàn chỉnh dựa theo câu ví dụ)

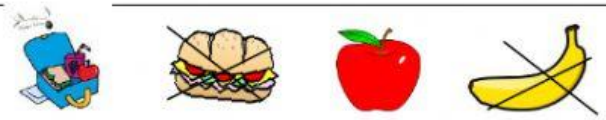	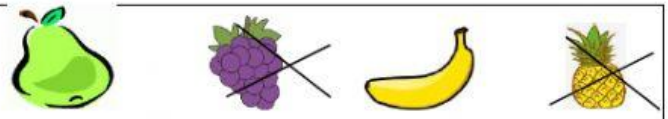
1. **I have got an apple and a lunch box.** **I haven't got a sandwich and a banana.**	2. I have got …… I haven't got ……..
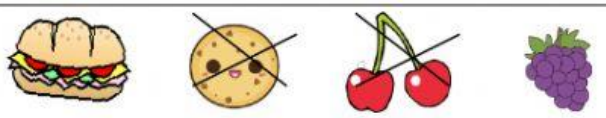	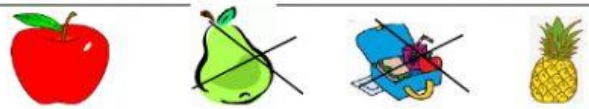
3.I have got …… I haven't got ……..	4.I have got …… I haven't got ……..

IV. Write: Yes, I have. | No, I haven't. (Đọc, nhìn tranh và điền câu trả lời với " Yes, I have" hoặc " No, I haven't")

a) Have you got a banana ? ……	b) Have you got a banana ? ……
c) Have you got a sandwich ? ……	d) Have you got any grapes? ……
e) Have you got a lunchbox ? ……	f) Have you got a biscuit? ……
g) Have you got a tomato ? ……	h) Have you got a drink? ……

LIVEWORKSHEETS